
Bản án số: 60/2022/HNGĐ-ST

Ngày 21 tháng 9 năm 2022

“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NA HANG TỈNH TUYÊN QUANG

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Triệu Ngọc Thúc.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nông Thị Sinh.
2. Ông Nguyễn Đức Nhâm.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Bùi Thị Hồng Phúc- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Na Hang tham gia phiên tòa:* Ông Tạ Ngọc Dũng- Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 46/2022/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2022 về việc *“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 23/2020/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Mụ Thị M, sinh năm 1989; Nơi ĐKKHKT: Thôn Nà N, xã N huyện N, tỉnh Tuyên Quang; Tạm trú: Tổ dân phố Đình, phường Đồng Tiến, thị xã phố Yên, tỉnh Thái Nguyên (*Vắng mặt- có đơn xin xét xử vắng mặt*).

- *Bị đơn:* Anh Nông Văn S, sinh năm 1988; Địa chỉ: Thôn N, xã N, huyện N, tỉnh Tuyên Quang (*đã được triệu tập họp lệ lần 2- vắng mặt không lý do*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Mụ Thị M trình bày:

Chị và anh S qua tự nguyện tìm hiểu đã đi đến kết hôn ngày 06/6/2010 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Năng Khả, huyện Na hang, tỉnh Tuyên Quang và có tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương. Sau khi kết hôn vợ chồng chị chung sống cùng bố mẹ chồng tại thôn N, xã N, huyện N, tỉnh Tuyên Quang. Vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến cuối năm 2019 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh S ham chơi, không tu trí

làm ăn kinh tế dẫn đến việc vợ chồng cãi vã, mắng chửi nhau cuộc sống hôn nhân không được hạnh phúc. Từ 2015 chị đi làm công ty tại tỉnh Thái Nguyên, vẫn thường xuyên về nhà, nhưng đến cuối năm 2021 mỗi lần được nghỉ chị chỉ về nhà để thăm con chứ không ở cùng anh S nữa vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Từ khi ly thân đến nay vợ chồng không quan tâm gì đến nhau, không có cách thức biện pháp nào để hàn gắn quan hệ vợ chồng. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh S chấm dứt tình trạng hôn nhân như hiện nay.

Về con chung: Vợ chồng chị có 01 con chung là cháu Nông Mạnh H, sinh ngày 30/12/2010. Hiện cháu đang ở cùng ông bà nội và anh S. Nếu ly hôn anh S là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu H, chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh S.

Về tài sản chung: Vợ chồng chị không có tài sản chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng chị không vay nợ ai cũng không cho ai vay nợ nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

- *Tại biên bản lấy lời khai bị đơn anh Nông Văn S trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị M sau thời gian tìm hiểu tự nguyện đã kết hôn ngày 06/6/2010 được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương và có đăng ký kết hôn tại xã Năng Khả, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc cùng với bố mẹ anh tại thôn N, xã N, huyện N, tỉnh Tuyên Quang. Từ khi chung sống đến nay anh và chị M không có bất cứ mâu thuẫn gì, chị M đi làm công ty Thái Nguyên từ năm 2013, thời gian trước chị M thường xuyên về nhà thăm chồng con mỗi dịp nghỉ lễ, nhưng dạo gần đây chị M có về nhưng không về nhà mà đi chung sống với người khác, anh chưa bắt gặp nhưng có người nhìn thấy, anh có đoạn ghi âm, những lần nói chuyện và tin nhắn ngoại tình của chị M với người đàn ông khác, tuy nhiên sau đó anh đã tha thứ và bỏ qua cho chị M. Vợ chồng anh tiếp tục chung sống hạnh phúc không có mâu thuẫn gì lớn xảy ra. Đến đầu tháng 8 khi anh nhận được thông báo thụ lý của Tòa án nhân dân huyện Na Hang, mới biết chị M làm đơn ly hôn với anh. Anh S xác định anh vẫn còn tình cảm yêu thương chị M, anh mong muốn được đoàn tụ. Chị M có đơn xin ly hôn anh không nhất trí ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng anh có 01 con chung là cháu Nông Mạnh H sinh ngày 30/12/2010, hiện cháu đang học lớp 7 tại trường THCS xã Năng Khả, hiện cháu đang ở cùng gia đình anh. Nếu ly hôn anh S có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cháu H, không yêu cầu chị M phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: anh xác định không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa phát biểu:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán và Thư ký đã chấp hành đúng quy định của luật Tố tụng, xác định đúng tranh chấp, tư cách của người

tham gia tố tụng; tiến hành tổng đạt các văn bản cho đương sự, kiểm sát đúng quy định.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng điều 28, 35 của BLTTDS; các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận đơn khởi kiện của chị M, xử theo hướng cho chị M được ly hôn với anh S. Về con chung: Căn cứ các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình giao con chung là cháu Nông Mạnh H, sinh ngày 30/12/2010 cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị M không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, nên không xem xét, giải quyết.

Về án phí: Chị M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Về việc giao nộp các tài liệu chứng cứ: Nguyên đơn đã giao nộp các tài liệu, chứng cứ gồm: Giấy chứng nhận kết hôn bản chính; giấy khai sinh con chung; Căn cước công dân của chị M; Giấy xác nhận thông tin cư trú.

Kết quả xác minh của Tòa án:

- Xác minh tại thôn Nà Noong xã Năng Khả, huyện Na Hang: Xác định chị M và anh S có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh S chơi bời, không tu trí làm ăn, từ tết nguyên đán năm 2022 chị M không ở cùng anh S nữa vợ chồng chị M, anh S sống ly thân từ đó đến nay.

- Xác minh tại nhà anh S ông Nông Đức T và bà Nông Thị Đ là mẹ đẻ của anh S cung cấp: Chị M, anh S có xảy ra mâu thuẫn, cụ thể không biết vì lý do gì, chị M có nói với gia đình về việc sẽ ly hôn, thời gian gần đây chị M có về nhưng chỉ về thăm con chứ không ở cùng anh S.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Nông Văn S đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn N, xã Nã, huyện N, tỉnh Tuyên Quang; chị M khởi kiện xin ly hôn và giải quyết vấn đề con chung với anh S, Tòa án nhân dân huyện Na Hang thụ lý vụ án “Kiện xin ly hôn, tranh chấp về nuôi con” là đúng thẩm quyền, đúng nội dung tranh chấp theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án chị M đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải nên vụ án thuộc trường hợp không hòa giải được. Tòa án đã ra thông báo về việc tham gia phiên họp kiểm tra việc tiếp cận công khai chứng cứ, quyết định xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và tổng đạt hợp lệ cho anh S nhưng đến ngày xét xử lần 2 anh S vắng mặt, chị M có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ điều 207, 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt chị M và anh S.

[2] Về nội dung:

Về hôn nhân: Chị M và anh S sau thời gian tự nguyện tìm hiểu, đến ngày 06/6/2010 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Năng

Khả, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang. Như vậy, xác định quan hệ hôn nhân giữa chị M và anh S là hợp pháp.

Căn cứ lời khai của các đương sự, kết quả xác minh thấy rằng: Sau khi kết hôn chị M và anh S chung sống hòa thuận hạnh phúc được một thời gian đến khoảng năm 2019 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Về nguyên nhân: chị M và trưởng thôn, nguyên trưởng thôn Nà Noong xác định do anh S ham chơi, không tu trí làm ăn, thường xuyên cờ bạc chị M và anh S đã sống ly thân từ tết nguyên đán năm 2022 đến nay. Bản thân anh S xác định vợ chồng anh không có mâu thuẫn gì, nhưng anh trình bày chị M thời gian gần đây mỗi lần được nghỉ việc ở công ty không về nhà và có quan hệ ngoại tình với người khác. Do đó có căn cứ để các định giữa chị M và anh S có mâu thuẫn, quan hệ vợ chồng đã từ lâu không được hòa thuận, hạnh phúc và đã sống ly thân với nhau từ tết nguyên đán năm 2022 đến nay. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị M và anh S là thực tế và kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó cần xử cho chị M được ly hôn với anh S.

Về con chung: Chị Mụ Thị M và anh Nông Văn S có 01 con chung là cháu Nông Mạnh H, sinh ngày 30/12/2010. Hiện cháu H đang ở cùng anh S và có nguyện vọng được tiếp tục ở cùng bố và ông bà nội. Chị M nhất trí để anh S là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu H. Do đó căn cứ vào các điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình giao cháu Nông Mạnh H cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Chị M không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh S.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị M và anh S không có tài sản chung, không vay nợ chung, không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Các nội dung khác:

- Về án phí: Chị Mụ Thị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật. Anh Nông Văn S không phải nộp án phí.

- Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, các Điều 35, 39, 143, 144, 147, 227, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 51, 54, 56, 57, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Mụ Thị M được ly hôn với anh Nông Văn S.

2. Về con chung: Giao cháu Nông Mạnh H, sinh ngày 30/10/2010 cho anh S được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Chị M không phải cấp dưỡng nuôi con chung

cùng anh S. Chị M có quyền đi lại thăm nom chăm sóc con chung, có quyền đề nghị thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn.

3. Về án phí: Chị Mụ Thị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), nhưng được trừ vào số tiền chị M đã nộp tạm ứng án phí là 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số **0005011** ngày 01/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang, chị M đã nộp đủ tiền án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Na Hang;
- UBND xã Năng Khả;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Triệu Ngọc Thúc